

Số: 256/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 30 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 224/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **La Minh T**, sinh ngày 01/02/1977; căn cước công dân số: 046077001608, cấp ngày 17/6/2022, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - **Bộ C**; địa chỉ: **Số A đường H, TDP L, phường K, thành phố H**;

- Chị **Hoàng Thị Trúc N**, sinh ngày 28/3/1979; căn cước công dân số 046179001353, cấp ngày 22/4/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - **Bộ C**; địa chỉ: **Số D ngõ C kiệt H đường N, phường T, thành phố H**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **La Minh T** và chị **Hoàng Thị Trúc N** đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường T, thành phố H)** vào ngày 25/02/2003 trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh **T** và chị **N** là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng mà không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh **T** và chị **N** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh **T** và chị **N** là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh **T** và chị **N**.

[2] Về con chung: Anh **La Minh T** và chị **Hoàng Thị Trúc N** xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là **La Thiên Â**, sinh ngày 16/6/2003 và **La Minh N1**, sinh ngày 18/5/2014. Hiện cháu **La Minh N1** đang ở với chị **Hoàng Thị Trúc N** và có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị **N**. Anh, chị thỏa thuận giao cháu **La Minh N1** cho chị **Hoàng Thị Trúc N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh **T** không cấp dưỡng nuôi con. Cháu **La Thiên Â** đã trưởng thành nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Sự thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh **La Minh T** và chị **Hoàng Thị Trúc N** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh **La Minh T**, chị **Hoàng Thị Trúc N** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh **La Minh T** và chị **Hoàng Thị Trúc N**.

- Về con chung: Giao cháu **La Minh N1**, sinh ngày 18/5/2014 cho chị **Hoàng Thị Trúc N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). **Anh T1** không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh **La Minh T** và chị **Hoàng Thị Trúc N** xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh **La Minh T** và chị **Hoàng Thị Trúc N** mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng

lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000369 ngày 03 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố H. Anh La Minh T và chị Hoàng Thị Trúc N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- Phòng THADS khu vực 1 - Huế;
- UBND P. Thuận Hóa, thành phố Huế
(ĐKKH số: 09 ngày 25/02/2003 tại
UBND phường Phú Nhuận - cũ);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hạnh